

Số: 142/KH-ĐHSPTDTTHN

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH

V/v nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và phụ cấp thâm niên nhà giáo cho viên chức và người lao động quý 1 năm 2026

(mốc tính từ 01/01-31/3/2026)

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ các Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009; Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07/3/2012; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/02/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định về chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo.

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 08/TT-BNV, ngày 31/7/2013 của BNV về việc hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Thông tư 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội Vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

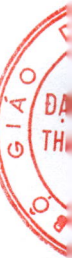
Căn cứ Quyết định số 432/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 26/7/2022 về việc ban hành Quy chế nâng lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội;

Nhà trường ban hành kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện xét nâng bậc lương thường xuyên, xét thâm niên vượt khung và xét quý 1 năm 2026 cho viên chức và người lao động trong cơ quan như sau:

I. CHẾ ĐỘ NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN:

1. Phạm vi và đối tượng:

- Viên chức trong cơ quan xếp lương theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ;



- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động xếp lương theo bảng lương do Nhà nước quy định trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Đối tượng không áp dụng:

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 1, Thông tư 08/2013/TT-BNV.

3. Điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch hoặc trong chức danh:

a) Thời gian giữ bậc để xét nâng bậc lương thường xuyên:

Đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ từ cao đẳng trở lên: Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh, thì sau 03 năm (đủ 36 tháng) giữ bậc lương trong ngạch hoặc trong chức danh được xét nâng một bậc lương;

- Đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống: nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh, thì sau 2 năm (đủ 24 tháng) giữ bậc lương trong ngạch hoặc trong chức danh được xét nâng một bậc lương.

b) Các trường hợp được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương thường xuyên gồm:

- Thời gian nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động;

- Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

- Thời gian nghỉ ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hưởng bảo hiểm xã hội cộng dồn từ 6 tháng trở xuống (trong thời gian giữ bậc) theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

- Thời gian được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước, ở nước ngoài (bao gồm cả thời gian đi theo chế độ phu nhân, phu quân theo quy định của Chính phủ) nhưng vẫn trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị.

c) Thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên

- Thời gian tập sự (bao gồm cả trường hợp được hưởng 100% mức lương của chức danh nghề nghiệp viên chức tập sự).

- Thời gian viên chức và người lao động đào ngũ trong quá trình thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ.

- Thời gian thử thách đối với viên chức và người lao động bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo; trường hợp thời gian thử thách ít hơn thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên.

- Thời gian nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương;

- Thời gian đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước và ở nước ngoài vượt quá thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định;

- Thời gian bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam và các loại thời gian không làm việc khác ngoài quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

Tổng các loại thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên quy định tại Điều này (nếu có) được tính tròn tháng, nếu có thời gian lẻ không tròn tháng thì được tính như sau: Dưới 11 ngày làm việc (không bao gồm các ngày nghỉ hằng tuần và ngày nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động) thì không tính; từ 11 ngày làm việc trở lên tính bằng 01 tháng.

4. Tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên:

Viên chức và người lao động có đủ điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch hoặc trong chức danh và qua đánh giá đạt đủ 02 tiêu chuẩn sau đây trong suốt thời gian giữ bậc lương thì được nâng một bậc lương thường xuyên.

Đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này có đủ điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch hoặc trong chức danh quy định tại Khoản 1 Điều này và qua đánh giá đạt đủ 02 tiêu chuẩn sau đây trong suốt thời gian giữ bậc lương thì được nâng một bậc lương thường xuyên:

- Tiêu chuẩn 1: Được cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

- Tiêu chuẩn 2: Không vi phạm kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức.

5. Thời gian bị kéo dài xét nâng bậc lương thường xuyên:

Trong thời gian giữ bậc lương hiện hưởng, nếu viên chức và người lao động đã có thông báo hoặc quyết định bằng văn bản của cấp có thẩm quyền là không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm hoặc bị kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức thì bị kéo dài thời gian tính nâng bậc lương thường xuyên so với thời gian quy định như sau:

a) Kéo dài 12 tháng đối với các trường hợp:

- Viên chức và người lao động bị kỷ luật cách chức.

b) Kéo dài 06 tháng đối với các trường hợp:

- Viên chức bị kỷ luật cảnh cáo;

- Viên chức và người lao động được cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm; trường hợp trong thời gian giữ bậc có 02 năm không liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì mỗi năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao bị kéo dài 06 tháng.

c) Kéo dài 03 tháng đối với viên chức bị kỷ luật khiển trách.

d) Trường hợp vừa bị đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao vừa bị kỷ luật thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên là tổng các thời gian bị kéo dài được quy định.

đ) Trường hợp bị đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ do bị kỷ luật (cùng một hành vi vi phạm) thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo hình thức kỷ luật tương ứng được.

e) Trường hợp viên chức và người lao động là đảng viên bị kỷ luật Đảng: nếu đã có quyết định kỷ luật về hành chính thì thực hiện kéo dài thời gian nâng bậc lương thường xuyên theo hình thức xử lý kỷ luật hành chính; nếu không có quyết định kỷ luật về hành chính thì thực hiện kéo dài thời gian nâng bậc lương thường xuyên theo hình thức xử lý kỷ luật Đảng tương ứng với các hình thức xử lý kỷ luật hành chính được quy định”

6. Trường hợp đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền là oan, sai sau khi bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam, bị kỷ luật (khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức) thì thời gian này được tính lại các chế độ về nâng bậc lương thường xuyên như sau:

a) Thời gian bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam do oan, sai được tính lại vào thời gian để xét nâng bậc lương;

b) Không thực hiện kéo dài thời gian xét nâng bậc lương đối với các hình thức kỷ luật do oan, sai;

c) Được truy lĩnh tiền lương, truy nộp bảo hiểm xã hội (bao gồm cả phần bảo hiểm xã hội do cơ quan, đơn vị đóng) theo các bậc lương đã được tính lại.

II. CHẾ ĐỘ HƯỞNG THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG.

Áp dụng cho tất cả viên chức và người lao động đã hết khung bậc lương thường xuyên trong bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ theo quy định, nếu có đủ thời gian và điều kiện, tiêu chuẩn quy định như viên chức và người lao động được xét nâng bậc lương thường xuyên thì được xét hưởng chế độ thâm niên vượt khung như sau:

- Lần đầu được hưởng 5%, từ năm sau trở đi nếu đủ thời gian là 12 tháng và đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì được xét hưởng cứ mỗi năm được cộng thêm 1%.

III. CHẾ ĐỘ HƯỞNG THÂM NIÊN NHÀ GIÁO

1. Đối tượng áp dụng: (Đối tượng xét lần đầu và đối tượng đã xét hưởng từ lần 2 trở đi).

Nhà giáo thuộc danh sách trả lương được Nhà trường phê duyệt, đang làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục tại các đơn vị trong Trường, được xếp vào ngạch viên chức chuyên ngành giáo dục, đào tạo (mang mã số có các ký tự đầu là V.07).

2. Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên

Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên được xác định bằng tổng các thời gian sau:

a) Thời gian giảng dạy, giáo dục có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ sở giáo dục công lập.

b) Thời gian giảng dạy, giáo dục có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập (đối với nhà giáo đang giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập mà trước đây đã giảng dạy, giáo dục ở các cơ sở giáo dục ngoài công lập).

c) Thời gian làm việc được tính hưởng phụ cấp thâm niên, gồm: thời gian làm việc được xếp lương theo một trong các ngạch hoặc chức danh của các chuyên ngành hải quan, tòa án, kiểm sát, kiểm toán, thanh tra, thi hành án dân sự, kiểm lâm, dự trữ quốc gia, kiểm tra đảng; thời gian làm việc được tính hưởng phụ cấp thâm niên trong quân đội, công an, cơ yếu và thời gian làm việc được tính hưởng thâm niên ở ngành, nghề khác (nếu có).

d) Thời gian đi nghĩa vụ quân sự theo luật định mà trước khi đi nghĩa vụ quân sự đang được tính hưởng phụ cấp thâm niên nghề.

3. Thời gian không tính hưởng phụ cấp thâm niên:

Thời gian quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số Nghị định số 77/2021/NĐ-CP; cụ thể:

a) Thời gian tập sự.

b) Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên.

c) Thời gian nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

d) Thời gian đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước và ở nước ngoài vượt quá thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

đ) Thời gian bị tạm đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử.

e) Thời gian không làm việc khác ngoài quy định nêu trên.

4. Điều kiện và mức phụ cấp thâm niên được hưởng:

Nhà giáo xét hưởng lần đầu theo quy định tại mục 1 nêu trên có tổng thời gian được tính hưởng phụ cấp thâm niên **đủ 5 năm** (60 tháng), thì được hưởng phụ cấp thâm niên bằng **5%** mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có); từ năm thứ sáu trở đi, mỗi năm (đủ 12 tháng) được tính thêm **1%**.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Phòng TCCB: Niêm yết danh sách VC, NLD đến thời hạn tăng lương thường xuyên, hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung phụ cấp thâm niên nhà giáo quý 1 năm 2026.

2. Đối với cá nhân: Thuộc diện có đủ thời gian, điều kiện, tiêu chuẩn quy định v/v nâng bậc lương thường xuyên, hưởng vượt khung và phụ cấp thâm niên nhà giáo (lần đầu tiên) phải viết đơn (theo mẫu), khai thật đầy đủ, chính xác, trung thực tất cả nội dung trong đơn để kiểm tra, đối chiếu với hồ sơ phòng TCCB quản lý; phản ánh kịp thời với phòng TCCB nếu trong danh sách niêm yết không có tên mình để phòng rà soát, giải quyết kịp thời.

3. Đối với các đơn vị:

- Tổ chức họp phổ biến thông báo tới toàn thể viên chức và người lao động về hướng dẫn nâng bậc lương quý 1 năm 2026 của Trường đã gửi các đơn vị.

- Đối chiếu điều kiện, tiêu chuẩn để họp xét cho viên chức và người lao động của đơn vị mình với 3 diện đề nghị nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và phụ cấp thâm niên nhà giáo (nếu có) và ghi biên bản tổng hợp kết quả cuộc họp xét đề nghị nâng bậc lương của đơn vị.

4. Thời gian triển khai:

4.1. Các đơn vị: Tổ chức họp triển khai từ ngày 13/3 - 20/3/2026. Chậm nhất 16h00 ngày 20/3/2026, Các cá nhân, đơn vị có tên trong danh sách nâng lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và phụ cấp thâm niên nhà giáo nộp Hồ sơ xét nâng lương về phòng TCCB để tổng hợp, gồm:

- Biên bản kết quả họp xét đề nghị nâng bậc lương thường xuyên, tăng phụ cấp thâm niên vượt khung của đơn vị;

- Đơn đề nghị của cá nhân.

4.2. Hội đồng xét nâng bậc lương của Trường:

Dự kiến từ ngày 23- 26/3/2026

4.3. Niêm yết thông báo kết quả xét nâng bậc lương cho viên chức và người lao động và nhận đơn đề nghị (nếu có).

Dự kiến từ ngày: 27/3 - 02/4/2026.

4.4. Hoàn tất hồ sơ trình Hiệu trưởng ký quyết định.

Dự kiến từ ngày 03 - 07/04/2026

Đề nghị các Trưởng đơn vị triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch. Trong quá trình triển khai có gì chưa rõ gặp phòng Tổ chức cán bộ để giải quyết./.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Các đơn vị (để t/h);
- Niêm yết tại bảng tin; Website;
- Lưu: VT, TCCB.



Nguyễn Duy Quyết

DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI
ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT NÂNG BẠC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN VÀ HƯỞNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG
QUÝ I - NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số 142/TB-ĐHSPTDTHN ngày 12/3/2026 của Trường ĐHSPTDTHN Hà Nội)

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Ngạch, bậc hệ số lương hiện hưởng					Kết quả đánh giá VC, NLD; Hình thức kỷ luật (nếu có) trong 3 năm học từ 2022-2023 đến 2024-2025				Dự kiến bậc, hệ số lương sau khi nâng bậc lương quý 1 năm 2026					
		Nam	Nữ	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp	Thời gian được tính hưởng	2022- 2023	2023- 2024	2024- 2025	KL	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới sau nâng bậc	Hệ số chênh lệch bảo lưu và % PC TNVK	Thời gian tính nâng bậc, PC TNVK	Ghi chú
1	Ngô Thanh Huyền		1979	V.07.01.02	2	4.74	0.34	01/02/2023	T	T	T	K	V.07.01.02	3	5.08	0.34	01/02/2026	
2	Hồ Thị Thu Hiền		1978	V.07.01.02	2	4.74	0.34	01/02/2023	T	T	T	K	V.07.01.02	3	5.08	0.34	01/02/2026	
3	Đặng Hùng Linh	1981		V.07.01.02	2	4.74	0.34	01/02/2023	HT	T	T	K	V.07.01.02	3	5.08	0.34	01/02/2026	
4	Trần Ngọc Minh	1980		V.07.01.02	2	4.74	0.34	01/02/2023	XS	T	T	K	V.07.01.02	3	5.08	0.34	01/02/2026	
5	Phạm Ngọc Tú	1982		V.07.01.02	2	4.74	0.34	01/02/2023	XS	T	T	K	V.07.01.02	3	5.08	0.34	01/02/2026	
6	Phạm Văn Quý	1981		V.07.01.02	2	4.74	0.34	01/02/2023	XS	T	T	K	V.07.01.02	3	5.08	0.34	01/02/2026	

Danh sách này có: 06 người



DANH SÁCH
VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN TĂNG THÂM NIÊN NHÀ GIÁO QUÝ 1 NĂM
2025

(Kèm theo Thông báo số 142/TB-ĐHSPTDTHN ngày 12/3/2025 của Trường
ĐHSP TDTT Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức vụ hoặc Đơn vị	Phụ cấp TNNG đang		Phụ cấp TNNG quý 1 năm 2025			Ghi chú
			Tỷ lệ % TNNG đang hưởng	Thời gian tính hưởng	Tỷ lệ % TNNG xét tăng	Chênh lệch tỷ lệ	Thời gian tính hưởng và tăng PCTN lần sau	
1	Nguyễn Duy Quyết	Hiệu trưởng	27%	01/01/2025	28%	1%	01/01/2026	
2	Phùng Xuân Dũng	Bí thư ĐU	13%	01/01/2025	14%	1%	01/01/2026	
3	Hướng Xuân Nguyên	Phó Hiệu trưởng	24%	01/03/2025	25%	1%	01/03/2026	
4	Nguyễn Thị Mai Toan	Khoa ĐK-TD	28%	01/01/2025	29%	1%	01/01/2026	
5	Phạm Thị Hương	Khoa ĐK-TD	26%	01/01/2025	27%	1%	01/01/2026	
6	Nguyễn Thị Minh Hạnh	Khoa YHTDTH	25%	01/01/2025	26%	1%	01/01/2026	
7	Mai Thị Ngoãn	Khoa CL-BB-QV	26%	01/01/2025	27%	1%	01/01/2026	
8	Lê Học Liêm	Phòng KT&ĐBCL	22%	01/01/2025	23%	1%	01/01/2026	
9	Trần Ngọc Minh	Khoa BC-BĐ-BR	20%	01/01/2025	21%	1%	01/01/2026	
10	Phạm Mai Vương	Khoa ĐK-TD	19%	01/01/2025	20%	1%	01/01/2026	
11	Trần Dũng	Khoa V-B-C	19%	01/01/2025	20%	1%	01/01/2026	
12	Nguyễn Thị Hoài Mỹ	TT NN-TH	19%	01/01/2025	20%	1%	01/01/2026	
13	Phạm Văn Quý	Khoa CL-BB-QV	17%	01/01/2025	18%	1%	01/01/2026	
14	Lê Mạnh Linh	Khoa BC-BĐ-BR	17%	01/01/2025	18%	1%	01/01/2026	
15	Phạm Ngọc Tú	Khoa BC-BĐ-BR	17%	01/3/2025	18%	1%	01/3/2026	
16	Ngô Thanh Huyền	Khoa LLCN&NVSP	17%	01/3/2025	18%	1%	01/3/2026	
17	Đặng Hùng Linh	Khoa GDQP&AN	16%	01/01/2025	17%	1%	01/01/2026	
18	Nguyễn Thị Hằng	Khoa ĐT SDH	16%	01/01/2025	17%	1%	01/01/2026	
19	Vũ Văn Thịnh	Khoa V-B-C	16%	01/01/2025	17%	1%	01/01/2026	
20	Nguyễn Thị Thu Minh	TT NN-TH	16%	01/01/2025	17%	1%	01/01/2026	
21	Nguyễn Thành Chung	Phòng TCCB	13%	01/01/2025	14%	1%	01/01/2026	
22	Hoàng Minh Thuý	TT NN-TH	13%	01/01/2025	14%	1%	01/01/2026	
23	Nguyễn Thị Hồng Phượng	Khoa ĐK-TD	13%	01/01/2025	14%	1%	01/01/2026	
24	Vũ Thị Thu Hà	Khoa CL-BB-QV	13%	01/01/2025	14%	1%	01/01/2026	
25	Nguyễn Văn Thuật	Khoa V-B-C	13%	01/01/2025	14%	1%	01/01/2026	

ĐẠO
Y

26	Nguyễn Thị Liên	Khoa CL-BB-QV	13%	01/01/2025	14%	1%	01/01/2026	
27	Nguyễn Việt Hồng	Khoa BC-BĐ-BR	13%	01/01/2025	14%	1%	01/01/2026	
28	Ngô Bằng Giang	Khoa V-B-C	13%	01/01/2025	14%	1%	01/01/2026	
29	Vũ Công Lâm	Khoa V-B-C	13%	01/01/2025	14%	1%	01/01/2026	
30	Nguyễn Hoàng Yến	TT NN-TH	13%	01/01/2025	14%	1%	01/01/2026	
31	Trần Mai Linh	Khoa LLCT	13%	01/01/2025	14%	1%	01/01/2026	
32	Trần Thị Nhu	Khoa LLCN&NVSP	13%	01/01/2025	14%	1%	01/01/2026	
33	Lê Thị Thu Thúy	Khoa LLCN&NVSP	13%	01/01/2025	14%	1%	01/01/2026	
34	Nguyễn Thị Thoa	Khoa YHTDTT	13%	01/01/2025	14%	1%	01/01/2026	
35	Nguyễn Văn Hưng	Phòng TCCB	11%	01/03/2025	12%	1%	01/03/2026	
36	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Khoa CL-BB-QV	10%	01/01/2025	11%	1%	01/01/2026	
37	Lại Triệu Minh	Khoa CL-BB-QV	10%	01/02/2025	11%	1%	01/02/2026	
38	Vũ Thị Trang	Khoa ĐK-TD	9%	01/02/2025	10%	1%	01/02/2026	
39	Nguyễn Văn Đại	Khoa V-B-C	9%	01/02/2025	10%	1%	01/02/2026	
40	Hoàng Thu Thủy	TT NN-TH	9%	01/02/2025	10%	1%	01/02/2026	
41	Nguyễn Văn Tuyền	Khoa Huấn luyện TT	9%	01/02/2025	10%	1%	01/02/2026	
42	Mai Thiệp Chí	Khoa GDQP&AN	6%	01/02/2025	7%	1%	01/02/2026	

Danh sách này có 42 người./.